

Bản án số: 39/2026/KDTM-ST
Ngày: 29 - 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền.

2. Bà Võ Trần Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 61/2025/TLST-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1464/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1777/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần T2.

Địa chỉ: Số A Đường số C, R, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Bà Lê Trần Phương Á, sinh năm 1999,

- Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Tầng D Tòa nhà S, Số B đường Đ, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

(Giấy uỷ quyền số 0104/2026/GUQ-XNKTBD lập ngày 01/4/2026).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến Đ – Chủ hộ kinh doanh của Hộ kinh doanh G1.

Địa chỉ: Số A đường M, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn N.

Địa chỉ: Số B đường L, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3.

Địa chỉ: Số C đường L, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3.3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn G2.

Địa chỉ: Số C đường B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3.4. Công ty Cổ phần T4.

Địa chỉ: Số A đường T, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Quang T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ A ấp M, xã B, huyện B, Bình Dương nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần T2 có người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 29/11/2021, Công ty Cổ phần T2 và ông Nguyễn Tiến Đ - Chủ hộ Hộ kinh doanh G1 ký kết Hợp đồng mua bán dầu khí hóa lỏng (LPG) số 226DAIPHATTQ6/2021/XNKTBD. Theo đó, nguyên đơn cung cấp cho bị đơn khí dầu hóa lỏng (LPG) được chứa trong các chai 06kg, 12kg, 12,5kg, 45kg và 50 kg mang thương hiệu PACIFIC GAS và ESGAS để bị đơn tiêu thụ (phân phối/bán lẻ). Theo quy định tại Điều 2.3 của Hợp đồng mua bán, sau khi nhận đủ số lượng LPG đã đặt, bị đơn phải thực hiện thanh toán dứt điểm một lần tiền mua hàng cho nguyên đơn.

Bị đơn mua các sản phẩm khí LPG của nguyên đơn với mục đích phân phối lại và bán lẻ cho các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức để sử dụng vào mục đích tiêu dùng. Bị đơn hoạt động theo loại hình Hộ kinh doanh nên không thể trực tiếp xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho các khách hàng của mình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán, mặc dù tiến hành mua hàng của nguyên đơn nhưng bị đơn yêu cầu nguyên đơn xuất hóa đơn trực tiếp cho các khách hàng của bị đơn tương ứng với số lượng hàng hóa đã giao.

Từ ngày 07/5/2023 đến ngày 29/8/2023, nguyên đơn đã bán các sản phẩm khí LPG cho bị đơn theo Hợp đồng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với số lượng sản phẩm khí LPG này cho các khách hàng của bị đơn nhưng bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng theo quy định tại Hợp đồng. Tổng số tiền mua hàng mà bị đơn còn nợ là 230.457.605 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “Trường hợp bên có

nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Hai bên không có thỏa thuận về tiền lãi chậm thanh toán tại Hợp đồng, do đó, bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (mức lãi suất 10%/năm) tương ứng thời gian chậm trả. Cụ thể, tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử (29/5/2026) là 69.663.934 đồng.

Tại Điều 1.1.3 của Hợp đồng quy định, nguyên đơn sẽ cho bị đơn mượn vỏ bình thông qua hình thức nộp tiền ký quỹ để đảm bảo việc hoàn trả lại các vỏ bình. Các vỏ bình này thuộc sở hữu của nguyên đơn. Giá trị ký quỹ tùy thuộc vào từng loại vỏ chai LPG. Trên cơ sở Hợp đồng, ngày 19/12/2022 và ngày 20/12/2022, nguyên đơn và bị đơn đã ký kết các phiếu giao hàng nhằm ghi nhận số lượng vỏ bình LPG nguyên đơn cho bị đơn ký quỹ thế chân, số lượng cụ thể như sau:

- Ngày 19/12/2022, 08 vỏ bình loại 45kg mang nhãn hiệu Pacific Petro thông qua hình thức nộp tiền ký quỹ thế chân. (Ghi nhận tại phiếu giao hàng số 006990 ngày 19/12/2022).

- Ngày 20/12/2022, 04 vỏ bình loại 45kg mang nhãn hiệu Pacific Petro thông qua hình thức nộp tiền ký quỹ thế chân. (Ghi nhận tại phiếu giao hàng số 001443 ngày 19/12/2022).

Tổng số vỏ bình LPG bị đơn mượn thông qua hình thức ký quỹ thế chân là 12 vỏ bình LPG loại 45kg mang nhãn hiệu Pacific Petro thuộc sở hữu của nguyên đơn. Điều 1.1.3 của Hợp đồng quy định: “*Nếu Bên B (Đại Phát) làm thất lạc vỏ chai thì phải bồi thường cho Bên A (Công ty T2) trị giá 1500.000đ/vỏ 45kg*”.

Từ tháng 09 năm 2023, bị đơn đã ngừng thực hiện hoạt động mua hàng khí dầu mỏ hóa lỏng LPG với nguyên đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu thanh toán, cử nhân sự đến làm việc trực tiếp với bị đơn để yêu cầu thanh toán Tiền công nợ nhưng bị đơn không thanh toán. Ngày 16/10/2024, nguyên đơn gửi Thông báo số 195/2024/TB-XNKTBD v/v chấm dứt Hợp đồng số 226DAIPHATQ6/2021/XNK TBD và yêu cầu thanh toán công nợ quá hạn, hoàn trả vỏ bình LPG đến bị đơn nhưng vẫn không được thanh toán.

Nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Tiến Đ - Chủ hộ của Hộ kinh doanh G1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần T2 tiền công nợ là 230.457.605 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Tiến Đ - Chủ hộ của Hộ kinh doanh Gas Đại Phát thanh toán tiền lãi chậm thanh toán do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền công nợ với mức lãi suất chậm thanh toán là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thanh toán, tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 29/5/2026 là

69.663.934 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Tiến Đ - Chủ hộ của Hộ kinh doanh G1 phải hoàn trả đầy đủ cho Công ty Cổ phần T2 tổng cộng 12 vỏ bình LPG loại 45kg mang nhãn hiệu Pacific Petro với tình trạng đủ điều kiện lưu hành và đúng quy định của Công ty Cổ phần T2. Trong trường hợp không thể hoàn trả hoặc làm mất mát, hư hỏng vỏ bình LPG thì buộc ông Nguyễn Tiến Đ - Chủ hộ của Hộ kinh doanh G1 bồi thường cho Công ty Cổ phần T2 là 7.800.000 đồng (đã trừ đi số tiền thế chân là 10.200.000 đồng).

- Yêu cầu ông Nguyễn Tiến Đ - Chủ hộ của H2 và hoàn trả đầy đủ, một lần toàn bộ tiền công nợ và số lượng vỏ bình ngay khi bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tổng cộng là 307.921.539 đồng.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần T4 có Người đại diện theo pháp luật trình bày:

Trong vụ án này, Công ty Cổ phần T4 không có ý kiến, yêu cầu gì, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm,

- Nguyên đơn Công ty Cổ phần T2 cung cấp bản khai giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Ông Đặng Quang T1 là Người đại diện theo pháp luật của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T4 có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần T4 đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3, Công ty Trách nhiệm hữu hạn G2 chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần T2; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T4 đã cung cấp đầy đủ lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3, Công ty Trách nhiệm hữu hạn G2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp lời khai, chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng

Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần T2 khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Tiến Đ - Chủ hộ kinh doanh G1 phải trả tiền nợ gốc, tiền lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng mua bán dầu khí hóa lỏng (LPG) số 226DAIPHATTQ6/2021/XNKTBĐ ngày 29/11/2021. Đây là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá” được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị đơn là ông Nguyễn Tiến Đ - Chủ hộ kinh doanh G1 có địa chỉ tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét hiệu lực của Hợp đồng mua bán dầu khí hóa lỏng (LPG) số 226DAIPHATTQ6/2021/XNKTBĐ ngày 29/11/2021:

Hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ quy định tại các điều 116, 117, 401, 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 11, Điều 24 của Luật Thương mại, hợp đồng có giá trị pháp lý từ thời điểm giao kết, phát sinh quyền và trách nhiệm của các bên trong hợp đồng.

[3.2] Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Tiến Đ – Chủ hộ của H kinh doanh G Đại Phát thanh toán Tiền công nợ là 230.457.605 đồng:

Theo Hợp đồng mua bán ngày 29/11/2021, nguyên đơn cung cấp cho bị đơn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) được chứa trong các chai 06 kg, 12kg, 12,5kg, 45kg và 50 kg mang thương hiệu PACIFIC GAS và ESGAS để bị đơn phân phối, bán lẻ cho các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức để sử dụng vào mục đích tiêu dùng. Từ ngày 07/5/2023 đến ngày 29/8/2023, nguyên đơn đã bán các sản phẩm khí LPG cho bị đơn theo Hợp đồng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với số lượng sản phẩm khí LPG này cho các khách hàng của bị đơn theo yêu cầu nhưng bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng cho nguyên đơn. Căn cứ các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu giao hàng, bảng kê công nợ của nguyên đơn thể hiện: Tổng số tiền mua hàng mà bị đơn còn nợ là 230.457.605 đồng.

Căn cứ khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng mua bán quy định về phương thức thanh toán “*Bên B thanh toán dứt điểm 1 lần tiền mua hàng cho bên A sau khi nhận đủ số lượng LPG đã đặt*”. Tuy nhiên sau khi nguyên đơn thực hiện việc giao hàng và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo yêu cầu nhưng bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng hóa. Việc này đã vi phạm quy định thỏa thuận tại hợp đồng, vi phạm Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 50 của Luật Thương mại.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền công nợ là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

Do bị đơn không thanh toán tiền mua hàng, bên cạnh việc phải thanh toán tiền nợ gốc thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất là có căn cứ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 306 của Luật Thương mại. Các bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán, do đó Tòa án đã xác minh mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường của 3 ngân hàng thương mại gồm Ngân hàng N1, Ngân hàng TMCP C và Ngân hàng TMCP N2. Đối chiếu mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng trên thì mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 10%/năm là thấp hơn so với mức lãi suất của 3 ngân hàng công bố tại thời điểm hiện tại và có lợi cho bị đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Tiến Đ - Chủ hộ của Hộ kinh doanh G1 phải thanh toán được Hội đồng xét xử chấp nhận tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ (09/5/2023) đến ngày 29/5/2026 là 69.663.934 đồng.

[3.4] Xét yêu cầu buộc bị đơn hoàn trả đầy đủ cho nguyên đơn 12 vỏ bình LPG loại 45kg mang nhãn hiệu Pacific Petro với tình trạng đủ điều kiện lưu hành và đúng quy định của Công ty T2, trường hợp không thể hoàn trả hoặc làm mất mát, hư hỏng vỏ bình thì buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn tổng số tiền giá trị vỏ bình LPG các loại là 18.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền ký quỹ thể chân còn lại là 7.800.000 đồng.

Xét tại Điều 1.1.3 của Hợp đồng mua bán quy định: “*Khi mua LPG bên A đồng ý cho bên B thể chân vỏ chai LPG theo hình thức ký quỹ, bằng phụ lục hợp đồng chi tiết, phụ lục là một phần không thể tách rời với hợp đồng mua bán LPG này. Giá trị ký quỹ là 200.000 đồng/vỏ 12kg và 850.000 đồng/vỏ 45kg và 50kg. Chứng từ ký quỹ gồm phiếu thu và phiếu xuất kho. Nếu bên B làm thất lạc vỏ chai phải bồi thường cho bên A như sau: 500.000 đồng/vỏ 12kg; 1.500.000 đồng/vỏ 45kg và 50kg*”. Trên cơ sở Hợp đồng mua bán, ngày 19/12/2022 và ngày 20/12/2022, hai bên đã ký kết các phiếu giao hàng nhằm ghi nhận số lượng vỏ bình LPG và ký quỹ thể chân, tổng cộng là 12 vỏ bình LPG loại 45kg mang nhãn hiệu Pacific Petro. Xét thấy, tại Hợp đồng mua bán quy định trường hợp bị đơn làm thất lạc vỏ chai thì phải bồi thường cho bên công ty theo giá trị là 500.000 đồng/vỏ 12kg và 850.000 đồng/vỏ 45kg và 50kg nhưng nguyên đơn đã nhận 10.200.000 đồng tiền ký quỹ tương đương với 12 bình 45kg. Trường hợp khách hàng không hoàn trả được vỏ bình ga thì công ty phải trả lại tiền ký quỹ đã nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường tiền vỏ bình ga trong trường hợp không hoàn trả được vỏ bình là có căn cứ nên chấp nhận nhưng phải cân trừ tiền ký quỹ đã nhận cho bị đơn.

Tiền bồi thường vỏ bình ga còn lại mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 18.000.000 đồng - 10.200.000 đồng = 7.800.000 đồng.

[4] Tại phiên toà, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. H1 lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ vào Điều 116; Điều 117; khoản 1 Điều 401; Điều 430; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 11, Điều 24, Điều 50 của Luật Thương mại;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 79 của Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về Đăng ký doanh nghiệp;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty Cổ phần T2**.

1.1. Buộc bị đơn ông **Nguyễn Tiến Đ** – Chủ hộ của **Hộ kinh doanh G1** phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 29/5/2026 là 300.121.539 (ba trăm triệu, một trăm hai mươi một nghìn, năm trăm ba mươi chín) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 230.457.605 đồng, tiền lãi là 69.663.934 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Buộc bị đơn ông **Nguyễn Tiến Đ** – Chủ hộ của **Hộ kinh doanh G1** hoàn trả đầy đủ cho nguyên đơn 12 vỏ bình LPG loại 45 kg mang nhãn hiệu Pacific Petro với tình trạng đủ điều kiện lưu hành và đúng quy định của **Công ty Cổ phần T2**, trường hợp không thể hoàn trả hoặc làm mất mát, hư hỏng vỏ bình thì buộc bị đơn ông **Nguyễn Tiến Đ** – Chủ hộ của **H** kinh doanh **G1** bồi thường cho **Công ty Cổ phần T2** số tiền giá trị vỏ bình LPG các loại (sau khi trừ đi số tiền đã ký quỹ) là 7.800.000 (bảy triệu, tám trăm nghìn) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông **Nguyễn Tiến Đ** – Chủ hộ của **Hộ kinh doanh G1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.396.077 (mười lăm triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi bảy) đồng.

H1 lại cho Nguyên đơn Công ty Cổ phần T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.111.480 (bảy triệu, một trăm mười một nghìn, bốn trăm tám mươi) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0065056 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty Cổ phần T2, ông Nguyễn Tiến Đ – Chủ hộ của Hộ kinh doanh G1, Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3, Công ty Trách nhiệm hữu hạn G2, Công ty Cổ phần T4 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10 - TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Xuân Thắng